

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 01/7/2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Chí Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Đào

2. Bà Bùi Thị Hải Đường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D tham gia phiên tòa: bà Lâm Phượng Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D xét xử công khai vụ án thụ lý số: 115/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Lê S, sinh năm 1943; nơi cư trú: Tổ 6, ấp B4, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

*** Bị đơn:** Bà Lê Thị T, sinh năm 1958; nơi cư trú: ấp B1, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Lê S trình bày:

Ông và bà Lê Thị T tự nguyện chung sống với nhau năm 2011, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P ngày 05/7/2011. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong tình cảm. Vợ chồng ly thân từ tháng 12 năm 2019 đến nay. Nay ông thấy tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra ông không trình bày gì thêm

Bà Lê Thị T trình bày : Bà thống nhất lời trình bày của ông S về thời gian chung sống và có đăng ký kết hôn như ông S trình bày là đúng.

Về nguyên nhân mâu thuẫn ông S trình bày là không đúng, vợ chồng có cãi vã với nhau nhưng không có xảy ra xô xát gì cả, bà và ông S không có ở chung nhà do con riêng của bà không muốn ông S chung sống với bà. Nay ông S yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý, yêu cầu đoàn đoàn tụ để ông bà lo lắng tuổi già cho nhau.

Về con chung: Không có.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử; Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Lê S và bà Lê Thị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa ông Lê S và bà Lê Thị T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí : Ông Lê S thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điều 146 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Ông Lê S và bà Lê Thị T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn ngày 05/7/2011 tại UBND xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh nên công nhận đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn gia đình do ông S và bà T bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mặc khác giữa ông S và con riêng của bà T cũng mâu thuẫn nên hai ông bà không còn ở chung nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2019 đến nay nhưng ông S và bà T vẫn không có giải pháp đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông S và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông S đối với bà T là có căn cứ.

Về con chung: Không có

[2] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Lê S thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điều 146 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo Điểm đ Khoản

1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 53; 56 Luật hôn nhân và gia đình ; Điều 28; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lê S và bà Lê Thị T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Lê S thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điều 146 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện D;
- CC THA DS Huyện D;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: Tập án, hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Chí Quốc